

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2017/HSST

Ngày: 15/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc
- + *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tòng và ông Hồ Văn Dũng
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trịnh Huy Thuận - Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia
- *Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tham gia phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Ngày 15/11/2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 137/2017/HSST ngày 27/9/2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông: Phạm Văn N - Sinh năm: 1953 và bà: Lê Thị H - Sinh năm: 1955;

Tiền án: 02

- Ngày 23/4/2013 bị TAND tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội *Trộm cắp tài sản*;

- Ngày 25/11/2015 bị TAND huyện Tĩnh Gia xử phạt 24 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Trần Thị N - Sinh năm 1979

2. Anh Hồ Văn D - Sinh năm 1976

Đều trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 11/7/2017, Phạm Văn T nhìn thấy nhà chị Trần Thị N ở thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không khóa cửa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào phòng khách của gia đình chị N thì thấy mọi người trong nhà đã ngủ say. Tán thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GT-E1 200Y để trên bức tường ngăn phòng khách. T đi lại lấy hai chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi. Sau đó, T nhìn thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime để trên nóc tủ lạnh ở phòng khách và đi lại lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần. T tiếp tục đi vào phòng ngủ gian thờ thì nhìn thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S để trên đầu giường nên đi lại cầm chiếc điện thoại rồi đi theo đường cửa của gian thờ ra bên ngoài. Khi T vừa đi ra đến hiên nhà thì bị anh Hồ Văn D là chồng của chị N phát hiện và chạy lại ôm lấy T. T vùng vằng hòng chạy thoát nhưng vẫn bị anh D giữ chặt. Hai bên giằng co nhau. Anh D la lớn lên thì có hai người hàng xóm cùng chạy sang không chế. Sau đó, gia đình anh D đã báo cáo và bàn giao T cho Công an xã N.

Tại kết luận định giá tài sản số 89/KLĐGTS ngày 12/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 có giá trị 100.000đ; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GT-E1 200Y có giá trị 100.000đ; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime có giá trị 1.500.000đ; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S có giá trị 2.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 26/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã truy tố Phạm Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 138 của BLHS.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: điểm c, đ khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS; Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án Đề nghị xử phạt: Phạm Văn T từ 36 đến 42 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Khoảng 02 giờ ngày 11/7/2017, tại gia đình nhà chị Trần Thị N ở thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Văn T đã có hành vi trộm cắp bốn chiếc điện thoại di động có tổng giá trị là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi trộm cắp, T bị anh Hồ Văn D phát hiện và bắt giữ. Trong lúc bị bắt giữ, T đã có hành vi chống trả lại anh D nhằm tẩu thoát.

Lời khai của hai bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 138 BLHS.

Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn huyện Tĩnh Gia nói chung, tình trạng trộm cắp tài sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của hai bị cáo thấy rằng:

Bị cáo đã có hai tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, Hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét nhân thân của bị cáo để lên cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, đã có hai tiền án nhưng vẫn không chịu cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Do đó cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, lượng giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét về vật chứng và bồi thường dân sự: Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại bốn chiếc điện thoại cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm c, đ khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Phạm Văn T 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2017.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc